| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN NGHI LỘC**<br>**TỈNH NGHỆ AN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 28/2021/QĐ - TA | *Nghi Lộc, ngày 19 tháng 3 năm 2021* |

# QUYẾT ĐỊNH

## Giảm thời hạn chấp hành biện pháp xử lý hành chính

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI LỘC, TỈNH NGHỆ AN**

**NHẬN THẤY:**

Lang Như Y đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc số II, tỉnh Nghệ An.

Ngày 20 tháng 02 năm 2021, Giám đốc Cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc số II Nghệ An có văn bản đề nghị giảm một phần thời hạn chấp hành biện pháp xử lý hành chính.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ đề nghị giảm thời hạn chấp hành biện pháp xử lý hành chính.

**XÉT THẤY:**

Người phải chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đã chấp hành được 17 tháng 04 ngày, có tiến bộ rõ rệt.

Theo quy định tại khoản 1 điều 112 Luật xử lý vi phạm hành chính thì người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc có đủ điều kiện được giảm thời hạn chấp hành biện pháp xử lý hành chính.

Căn cứ vào Điều 27 Pháp lệnh trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Chấp nhận đề nghị của Giám đốc Cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc số II tỉnh Nghệ An về việc giảm thời hạn chấp hành biện pháp xử lý hành chính đối với người đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính.

2. Giảm thời hạn chấp hành biện pháp xử lý hành chính là 50 (Năm mươi) ngày đối với:

Họ và tên: Lang Như Y; giới tính: Nam; sinh ngày: 22/7/1983; Dân tộc: T; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: lớp 10/12; hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: bản V, xã Y, huyện T, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: trồng trọt; con ông: Lang Ngọc H và bà Quang Thị T;

Bị áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số 239/2019/QĐ – TA ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An, thời gian 01 năm 07 tháng *(Một năm*

*bảy tháng)*. Đưa vào Cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc số II ngày 16 tháng 10 năm 2019.

3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị quy định tại Điều 31 Pháp lệnh trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân.

**Nơi nhận:**
- VKSND huyện Nghi Lộc;
- Cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc số II;
- Người được đề nghị và gia đình;
- UBND xã Y;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Trần Văn Phong**

**Điều 9. Thủ tục xét miễn, giảm thi hành án**

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày thụ lý hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm thi hành án, Chánh án Tòa án có thẩm quyền xét miễn, giảm thi hành án phân công một Thẩm phán thụ lý hồ sơ và giải quyết việc xét miễn, giảm thi hành án. Thẩm phán được phân công có quyền yêu cầu Viện kiểm sát hoặc cơ quan Thi hành án dân sự giải thích những điểm chưa rõ hoặc bổ sung giấy tờ cần thiết trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Quá thời hạn nêu trên, nếu cơ quan được yêu cầu không giải thích hoặc bổ sung giấy tờ cần thiết thì Thẩm phán trả lại hồ sơ cho cơ quan đã đề nghị.

Trường hợp hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm bị Tòa án trả lại do chưa đầy đủ hoặc thực hiện không đúng thủ tục, Viện kiểm sát hoặc cơ quan Thi hành án dân sự có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ, thủ tục và đề nghị Tòa án có thẩm quyền xem xét trong kỳ xét miễn, giảm gần nhất.

2. Tổ chức phiên họp xét miễn, giảm thi hành án

Phiên họp xét miễn, giảm thi hành án được tổ chức theo quy định tại Khoản 3 Điều 63 Luật Thi hành án dân sự.

Thẩm phán chủ trì phiên họp xét miễn, giảm thi hành án có trách nhiệm thông báo về thời gian, địa điểm phiên họp xét miễn, giảm cho Viện kiểm sát cùng cấp, cơ quan Thi hành án dân sự đã đề nghị xét miễn, giảm.

3. Quyết định miễn, giảm thi hành án của Tòa án phải có nội dung chính sau:

a) Ngày, tháng, năm ra quyết định;

b) Tên Tòa án ra quyết định;

c) Họ, tên Thẩm phán và đại diện các cơ quan tham gia phiên họp;

d) Họ, tên, nơi cư trú, làm việc, nơi đang chấp hành hình phạt tù của người phải thi hành án (nếu có) và khoản nộp ngân sách nhà nước phải thi hành;

đ) Nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận toàn bộ, chấp nhận một phần hoặc không chấp nhận đề nghị xét miễn, giảm thi hành án của Viện kiểm sát hoặc cơ quan Thi hành án dân sự;

e) Quyết định miễn thi hành án khoản nộp ngân sách nhà nước, số tiền được miễn; quyết định giảm một phần khoản nộp ngân sách nhà nước, số tiền được giảm, số tiền còn phải thi hành; số tiền lãi chậm thi hành án được miễn (nếu có).

4. Quyết định miễn, giảm thi hành án của Tòa án có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp theo quy định tại Khoản 1 Điều 64 Luật Thi hành án dân sự mà Viện kiểm sát không kháng nghị.